

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

2. Ông Đỗ Ngọc Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2024 về việc "xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp TH2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung D, sinh năm 1983 (vắng)

Địa chỉ: 199 AB, Phường K, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trung D tự tìm hiểu và tiến hành lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/11/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Chúng tôi đã sống ly thân từ 2014 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị H xin được ly hôn với anh Nguyễn Trung D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 14/11/2006. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 27/11/2006. Ngày 14/5/2024, chị H nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh D đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D cư trú tại Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trung D đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung D được UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 27/11/2006 nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày, anh chị tự tìm hiểu và tiến hành lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Vợ chồng đã sống ly thân từ 2014 đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh D đến để tham dự, nhưng anh D vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ

chồng. Việc anh D không đến dự phiên toà là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại, chị H trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh D nên đã nộp đơn ly hôn và vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống vợ chồng anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết và tại bản tự khai chị H trình bày trong thời kỳ hôn nhân anh, chị có một con chung tên Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 14/11/2006. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 14/5/2024 cháu Đ trình bày mong muốn khi cha mẹ ly hôn cháu sẽ ở với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo quyền lợi cho cháu, yêu cầu được giao con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trung D.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Minh Đ, sinh ngày 14/11/2006 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ

chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6123 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung D có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Ngọc Bình Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lê Thị Liên